

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2017

V/v: Ly hôn giữa anh C với chị D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Anh Dũng;

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Dương Đức Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXX - ST ngày 20/6/2017 giữa:

* Nguyên đơn: anh Trịnh Quang C, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

* Bị đơn: chị Dương Thị Bích D, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Giang; hiện cư trú: thôn thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/3/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Trịnh Quang C trình bày:

Anh kết hôn với chị Dương Thị Bích D, ngày 01 táng 4 năm 2013, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Sau khi kết hôn anh và chị D về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2015, thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã đến đón nhiều lần nhưng chị D không về chung sống với anh, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay, hai bên không

còn quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung tên là: Trịnh Thái U, sinh ngày 06/12/2013. Hiện chị D đang nuôi con. Nay vợ chồng ly hôn ý kiến của anh là để chị D nuôi con và anh không nhất trí cấp dưỡng nuôi con, nếu chị D không nuôi được con thì anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trịnh Quang C có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại bản tự khai ngày 25/4/2017 và những lời khai tiếp theo, bị đơn chị Dương Thị Bích D trình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh C về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị bị ốm phải đi bệnh viện điều trị, anh C không quan tâm gì đến vợ con, bỏ mặc chị tại bệnh viện và anh C đã làm đơn đến Tòa án để ly hôn với chị, sau khi được Tòa án hòa giải thì anh C đã rút đơn, nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ được với nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C có đơn xin ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được một con chung là: Trịnh Thái U, sinh ngày 06/12/2013. Hiện chị đang nuôi con. Nay vợ chồng ly hôn ý kiến của chị là nhận nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đ (một triệu đồng)/ tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị Bích D có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Quang C với chị Dương Thị Bích D.

Con chung: giao cho chị D nuôi con, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đ/ tháng kể từ tháng 8/2017 đến khi con trưởng thành.

Án phí sơ thẩm: anh Trịnh Quang C, chị Dương Thị Bích D phải chịu án phí ly hôn và anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Quang C và chị Dương Thị Bích D kết hôn ngày 01/4/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị D về gia đình anh C làm dâu ngay. Tình cảm vợ chồng buổi đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 12/2015, chị D bị ốm phải đi bệnh viện điều trị và sau đó phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phú Thọ, xã Ngọc Châu sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn với chị D. Tại biên bản xác minh của Tòa án, thì chính quyền địa phương cũng như gia đình chị D đều xác định, vợ chồng anh C, chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, cuộc sống chung của anh C, chị D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D cũng đồng ý ly hôn với anh C do vậy cần xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung: vợ chồng anh C, chị D có một con chung là Trịnh Thái U, sinh ngày 06/12/2013 hiện chị D đang nuôi con. Ý kiến của anh C là để chị D nuôi con, còn chị D có nguyện vọng được nuôi con. HĐXX xét thấy, cháu U đã được chị D cũng như gia đình chị D nuôi dưỡng từ tháng 12/2015 và cháu U phát triển tốt. Mặt khác, chị D đang công tác tại Công ty TNHH MTV SJ TECH Việt Nam có thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị D nuôi con U. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy hiện anh C đang làm nghề sửa chữa đồ điện, có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh C, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh C, chị D phải chịu án phí ly hôn và anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, khoản 4, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Quang C với chị Dương Thị Bích D.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Bích D nuôi con Trịnh Thái U, sinh ngày 06/12/2013. Anh Trịnh Quang C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án nếu anh C không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm nộp, cho đến khi nộp xong.

3. Án phí: Anh Trịnh Quang C phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003574 ngày 29/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, anh C còn phải nộp án phí 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); chị Dương Thị Bích D phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy

